

Phiên họp khai mạc

ĐẶC SÙNG LÀM TÁI SINH

Kính thưa quý Viện Mẫu và Viện phụ Hội Trường,
Kính thưa cha Tổng Quản Lý
Kính thưa quý Viện Mẫu, Viện phụ, quý Nam Nữ Viện Trường
Và tất cả các thành viên của Đại Hội

Khởi sự Đại Hội Dòng Xi-tô, trước tiên tôi muốn dâng lên tâm tình con thảo đối với những vị tiên nhiệm của tôi, trong năm năm vừa qua đã về Nhà Cha, Viện phụ Cả Policarpo Zakar, qua đời tại Budapest ngày 17 tháng 9 năm 2012, và Viện phụ cả Mauro Esteva, qua đời tại Poblet ngày 14 tháng 11 năm 2014. Các ngài là hai hình ảnh mà cả Dòng chúng ta phải hết lòng tri ân các ngài trong lời cầu nguyện của chúng ta. Đến hôm nay, Dòng chúng ta vẫn sống với những di sản các ngài để lại, chẳng hạn như viện phụ cả tiên nhiệm của hai vị trên là Dom Sighard Kleiner, mà ngày 5.12 tới sẽ là ngày giỗ lần thứ 20 của ngài, đối với tôi, ngài là một người cha nhân ái. Trong suốt năm năm qua, tôi luôn trân trọng những dấu ấn, hữu hình và vô hình, mà các ngài đã để lại trong Dòng và trong Giáo hội. Chúng ta sẽ cử hành thánh lễ nhớ đền các ngài vào ngày 9 tháng 10.

Ngay cả các thành viên của Đại hội cũng có nhiều thay đổi chỉ trong vòng năm năm qua. Chúng ta chào đón các tân Nam Nữ Bề Trên! Rất tiếc có hai hội dòng bị giải thể cùng với một số đan viện. Tôi sẽ đề cập cụ thể hơn trong phần báo cáo của tôi về hiện trạng của Dòng.

Từ Đại Hội vừa qua, Dòng chúng ta có một Tân Hồng Y là Dom Orani João Tempesta, tổng giám mục Rio de Janeiro, nguyên là viện phụ đan viện José do Rio Pardo. Vị kế nhiệm của ngài là Dom Edmilson Amador Caetano, nay đã trở thành giám mục Barretos, và đồng thời cũng trở thành giám mục của một giáo phận rộng lớn gần với São Paulo là Guarulhos. Đức Tổng giám mục thành Tours, Đức cha Bernard-Nicolas Aubertin, sẽ đến thăm chúng ta vào ngày cuối cùng của Đại Hội.

Buổi họp này tôi muốn trình bày những suy tư về Đại hội này cũng như cũng xin tất cả có những thái độ và ước muốn lắng nghe những bài báo cáo của các viện phụ Hội trường và tất cả những bài phát biểu và đối thoại mà chúng ta sẽ thực hiện trong cộng đoàn này.

Tri ân, hăng say, hy vọng

Trong thư chuẩn bị Đại Hội, Hội Đồng Cố vấn viện phụ cả đã mời gọi sống Đại Hội này trong tâm tình kỷ niệm 50 ngày ban hành Sắc lệnh Đức Ái Hoàn Hảo và mừng 50 ngày kết thúc công đồng Vaticano II. Như đã nói “giáo hội mời gọi chúng ta ý thức lại ơn gọi của chúng ta là bước theo Đức Ki-tô “dưới sự hướng dẫn của Tin Mừng” (Tl, Lời mở, 21) và chiêu kích ngôn sứ trong thế giới hôm nay”.

Hơn nữa, tất cả các cộng đoàn được mời gọi, như Đức Thánh cha đã đề nghị trong thư dịp khai mạc năm Đời sống Thánh hiến, là hãy ghi nhớ những động cơ của lòng tri ân về lịch sử của chúng ta, để vun đắp một lòng hăng say đối với hiện tại và hướng về tương lai với niềm hy vọng.

Thư của Hội Đồng cố vấn cũng đề nghị các cộng đoàn suy niệm về cuộc hành trình của chính mình dưới ánh sáng của đoạn tin mừng về các môn đệ làng Em-mau (Lc 24,13-35).

Trong thư triệu tập Đại Hội, tôi cũng viết: “Đại Hội sắp tới sẽ tổ chức trong bối cảnh năm Đòi sống Thánh Hiến, và đây là cơ hội quý báu để tổ chức Đại hội trong sự sẵn sàng với ơn Chúa Thánh Thần để cuộc gặp gỡ huynh đệ của tất cả các Nam Nữ Bè Trên sẽ đem lại cho Dòng tinh thần hiệp thông, sự đoàn kết, sự hiểu biết lẫn nhau, lòng trung thành với đặc sủng chung và sứ mạng của chúng ta, cũng như sự hoán cải chân thành trong việc bước theo Đức Ki-tô dưới ánh sáng của Tin Mừng”.

Đối với những bài báo cáo của các vị Hội trưởng, tôi xin các vị lưu ý đến Tông thư của ĐTC Phanxico gửi cho những người sống đòi Thánh hiến trong dịp Năm Đòi sống Thánh Hiến 21.11.2014 và tập trung vào đề tài đòi sống chung, việc cầu nguyện trong cộng đoàn, nên đề cập cách chân thành về hiện trạng cụ thể không giới hạn ở những thống kê hoặc những lý tưởng hoá vấn đề.

Tất cả những điều này dường như quá nhiều, nhưng thực tế chúng chỉ xoay quanh một đề tài thiết yếu để thể hiện mỗi ưu tư hàng đầu của Đại Hội thật sự là dịp chúng ta trở lại nguồn của đan tu trào Xi-tô, nghĩa là cộng đoàn các vị mục tử họp mặt như những người anh chị em để chia sẻ những niềm vui và đau khổ trong sứ vụ của mình để có thể tìm cách giúp đỡ nhau thi hành sứ mạng, sứ mạng của các vị trong cộng đoàn của mình trong tinh thần hiệp thông sống động kín múc từ nguồn suối đặc sủng được mời gọi để bước theo và phục vụ Đức Giê-su Ki-tô và Nước Ngài. Và đây cũng là lời thánh Biển Đức đề nghị cho chúng ta ngay trong Lời mở đầu của Tu luật: “hãy lấy đức tin và việc chu toàn các việc lành làm dây đai lưng và hãy tiến bước trên đường dưới ánh sáng của Tin Mừng, cho tới ngày được gặp Đấng sẽ dẫn đưa chúng ta vào Vương Quốc của Ngài” (Lời mở 21).

Nghĩa là chúng ta phải giúp đỡ nhau thực hiện cuộc hành trình đức tin để đòi sống chúng ta và cuộc sống của các cộng đoàn chúng ta có thể bước theo Đức Ki-tô cách hiệu quả, được chiếu sáng và hướng dẫn bởi Lời Chúa, bởi Tin Mừng, được dẫn dắt bởi khát khao được “thấy Đấng dẫn đưa chúng ta vào Vương quốc của Ngài”, được dẫn dắt bởi khao khát gặp gỡ Đức Ki-tô, không chỉ trong Vương quốc mai hậu, nhưng ở đây và lúc này; được dẫn dắt bởi niềm hăng say sống trong hiện tại, nhận ra Ngài trong giây phút hiện tại, Đấng là ánh sáng và nền tảng của hành trình của ta, của tất cả những gì chúng ta sống và hành động.

Từ Giê-ru-sa-lem đến Emmau

Chẳng phải là kinh nghiệm mà các môn đệ trên đường Emmau đã trải qua sao? Trong khi họ đi đường với Đức Giê-su, Người giải thích kinh thánh cho họ để họ bắt đầu bước theo Người « dưới ánh sáng của Tin Mừng ». Và điều này làm tăng triển trong trái tim họ một niềm hăng say nhiệm mầu: «chẳng phải lòng chúng ta cháy bừng lên khi Người trò chuyện với chúng ta dọc đường, khi Người giải thích Kinh Thánh cho chúng ta sao ? » (Lc 24,32).

Nếu Giáo Hội mời gọi chúng ta sinh động hoá nơi mình niềm tri ân, lòng hăng say và niềm hy vọng, thì rõ ràng là trước tiên chúng ta phải có sự khiêm nhường bỏ mình để được dẫn dắt nhờ Giáo Hội, Dòng, nhờ thánh Biển Đức, các linh phụ và linh mẫu Xi-tô, cũng như nhờ Đức Thánh Cha Phanxico và các vị tiền nhiệm của ngài để canh tân kinh nghiệm của những môn đệ đi làng Emmaus. Vậy hai môn đệ đi làng Emmaus đã có kinh nghiệm gì ? Hăng say, hy vọng và biết ơn không là những tình cảm mà chúng ta có thể tự nuôi dưỡng nơi mình hoặc giữa chúng ta nhưng với tất cả những người đồng hành cùng ta trên đường. Giữa họ, cả hai môn đệ không làm gì hơn là nuôi dưỡng sự nhút nhát, thất vọng, buồn khổ và chán nản.

Lòng thương xót của Thiên Chúa thật lớn lao khi Người đến tìm chúng ta trong hoàn cảnh như thế ! Chúng ta không thể phủ nhận được điều này: biết bao cộng đoàn và nhiều nam nữ đan sĩ sống ơn gọi mình với những tình cảm tiêu cực và thường xuyên giữa chúng ta, chúng ta không làm gì hơn là nuôi dưỡng những tình cảm tiêu cực như thế. Do đó, khi Giáo Hội mời gọi chúng ta sống đòi sống thánh hiến với lòng biết ơn, hăng say và hy vọng, chúng ta hiểu rằng chúng ta cần một sự hoán cải, một sự canh tân từ nội tâm và từ giữa chúng ta. Nhưng điều đó lại không đến từ chúng ta ! Chẳng đủ khi chỉ nói : vâng, từ hôm nay, tôi sẽ không nhút nhát nữa, chẳng thất vọng, chán nản và sầu khổ ! Từ hôm nay trở đi, tôi sẽ đầy lòng biết ơn, hăng say và hy vọng ! Chủ nghĩa duy ý chí như thế không

bao giờ vận hành được đời sống Ki-tô, chẳng bao giờ đem lại kết quả mong muốn. Chúng ta cần để mình cho Đức Ki-tô phục sinh đến gần ta, sửa chữa ta («hỡi những kẻ ngốc nghếch và chậm tin vào lời các ngôn sứ!»), Lc 24,25), và cùng đi với Người, vì Người nói chuyện và loan báo Tin Mừng cho ta. Chúng ta cần đến sự ngạc nhiên này, cần đến biến cố gây kinh ngạc, không lường trước được, những biến cố chúng ta không thể tạo ra được.

Tôi nghĩ rằng chúng ta phải nhìn lại toàn cảnh về đời sống cộng đoàn, toàn cảnh phụng vụ, mục vụ, huấn luyện thường bảo đảm cho chúng ta rằng ơn gọi Xi-tô chỉ là bản sao chép đoạn đường 60 dặm, hoặc 7 mile hoặc 11 cây số tách biệt Giê-ru-sa-lem và Emmaus. Lòng trung thành với Tu luật, với đặc sủng, với ơn gọi của cộng đoàn chúng ta đặt ta trên cuộc hành trình nơi Đức Giê-su cũng muốn đến và đồng hành với chúng ta. Rồi luôn có một sự ngạc nhiên mà Ngài đem đến cho chúng ta bởi Ngài nói chuyện và cuối cùng là mặc khải chính mình cho ta, nhưng cần có một lòng trung thành khả dĩ làm cho ta sẵn lòng với kinh nghiệm này, mở chúng ta ra với tặng ân của Đấng Phục sinh. Vì thế, niềm hăng say, hy vọng và tri ân sẽ được ban cho ta như ân sủng.

Đại hội cũng là giây phút gặp gỡ nhau để sống cảm thức chúng ta đang đi trên đường đức tin và Đức Ki-tô muốn đến, cùng đi, chia sẻ, mặc khải cho chúng ta để đồng đầy cho ta sự hăng say, niềm hy vọng và tri ân mà tự sức mình chúng ta không thể làm phát sinh nơi mình và nơi người khác. Cảm thức sống lại tâm tình ở Nhà Tiệc Ly trong khi đợi chờ Biến Cố Ngũ Tuần giúp ta đón nhận Chúa Thánh Thần, Đấng là niềm hăng say, hy vọng và tri ân mà Đức Ki-tô muốn ban cho ta.

Một cuộc canh tân luôn luôn mới

Vì thế, chúng ta phải suy tư về một sự canh tân, cải tổ mà Công đồng đã thực hiện cho chúng ta cách đây 50 năm. Có lẽ trong những năm hậu Công đồng, những cải tổ tức thời đã được thực hiện làm chúng ta cảm nhận như sự canh tân đã hoàn tất. Thực là ảo tưởng khi ta nghĩ rằng chỉ cần cải tổ một lần cho tất cả. Việc canh tân đích thực của Ki-tô giáo là hoa trái của một sự hoán cải liên li, của một sự biện phân không ngừng để bước theo Đức Giê-su Ki-tô với sự mới mẻ luôn đến từ Ngài. Việc canh tân đích thực bao hàm trong việc hằng ngày luôn luôn trở về với «tình yêu ban đầu» mà Đức Giê-su đòi hỏi giáo đoàn Ê-phê-sô trong sách Khải Huyền (2,4). Cuộc canh tân không bao giờ là hình thức. Nếu chỉ dừng lại ở những hình thức, nó lập tức sẽ trở thành già cỗi vì hình thức không bao giờ làm tái sinh, trao ban sự sống, nhưng là sự sống tái sinh những hình thức.

Canh tân hoặc cải tổ mà chúng ta luôn cần được diễn tả trong kinh nghiệm của hai môn đệ đi làng Emmaus. Cuộc canh tân, cải tổ đến từ cuộc gặp gỡ Đức Ki-tô, ở lại với Ngài và lắng nghe Ngài. Việc canh tân đích thực và tận căn của Giáo Hội luôn đến từ mầu nhiệm Thánh Thể, được sống và được cử hành không chỉ trong Thánh lễ mà còn như một chiều kích đích thực và thường hằng của hiện hữu chúng ta, như trung tâm nguồn suối thường trực của đời sống các cộng đoàn chúng ta, nơi chúng ta được nuôi dưỡng bởi phụng vụ chung, bởi tình hiệp thông trong sự sống, trong tình huynh đệ, trong lao tác mà mỗi đan viện phải luôn vun trồng. Đây là điều mà thánh Biển Đức quan niệm về đan viện và về cộng đoàn đan tu.

Gần đây, tôi nhận thấy một sự canh tân đích thực, một sự cải tổ chân chính mà chúng ta cần đến là sự tái sinh, là việc được Chúa Cha sinh ra một lần nữa qua Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Các môn đệ trên đường Emmaus có kinh nghiệm về sự tái sinh trong một cuộc sống đầy ấp hăng say, tri ân và hy vọng nhờ gặp được Đức Giê-su.

Khi chúng ta nói đến «đặc sủng» là chúng ta phải nghĩ đến khả thể của cuộc tái sinh này. Đặc sủng đan tu Biển Đức-Xito của chúng ta là một thực tại mầu nhiệm làm cho gia đình tu trì luôn có thể được tái sinh trong ơn gọi, trong căn tính, trong năng động tính của mình. Đặc sủng không tái sinh khi chúng ta đông số, khi chúng ta có nhiều ơn gọi trẻ, khi chúng ta hoạt động tích cực, khi chúng ta được ngưỡng mộ, nhưng khi chúng ta canh tân kinh nghiệm được tái sinh trong tinh thần mới mẻ để bước theo Đức Ki-tô, sống với Ngài, thi hành sứ mạng với Ngài, điều mà các Đấng Sáng Lập của chúng ta và tất cả những vị lập dòng khác đã thực hiện suốt nhiều thế kỷ nay. Ai để cho đặc sủng tái

sinh mình thì đến lượt họ, họ cũng có khả năng làm tái sinh nơi người khác sự sống và ơn gọi đã từng làm trái tim họ bùng cháy. Như vậy, toàn Dòng sẽ tiến bước, biến đổi, thấm thấu vào các nền văn hoá, làm phong phú thêm những kinh nghiệm và mở rộng những phạm vi truyền giáo qua từng thời đại. Dòng sẽ phúc âm hoá qua việc đón tiếp, các việc giáo dục và mục vụ ngay cả khi sống ẩn mình trong các nội vi.

Sau khi Đấng phục sinh tỏ mình cho họ khi Ngài bẻ bánh, kết thúc cuộc hành trình Đức Giê-su cùng đi với họ và tỏ mình cho họ nhưng họ không biết Ngài, thì hai môn đệ đường Emmaus đã được tái sinh cách mạnh mẽ nhờ gặp Đức Ki-tô, loan báo về việc Ngài sống lại, loan báo sự hiện diện làm tái sinh của Ngài trong cuộc đời của họ và trong thế giới. Đây là hình ảnh tuyệt đẹp về sự cái tỏ đích thật trong giáo hội trong Giáo hội, trong toàn Dòng và trong các cộng đoàn: khả năng và niềm hăng say loan báo Đức Ki-tô vốn được nuôi dưỡng nhờ gặp gỡ Ngài, nhờ ân sủng như không mà Ngài ban cho chúng ta để chúng ta có thể gặp gỡ, lắng nghe và thấy Ngài.

Được gọi để thể hiện hơn là xuất hiện

Việc loan báo phải thực hiện trong khiêm tốn, không sợ tỏ lộ những mông dòn và cả sự kém tin của mình. Nếu Tin mừng theo thánh Luca tường thuật rằng Đức Giê-su nói hai người là những kẻ ngốc nghếch (nghĩa đen là thiếu thông minh, không tri thức) và chậm tin (nghĩa là trì trệ, hăm hăm chẳng nhiệt thành, không sốt sắng cũng chẳng thiện ý). Họ thuật lại cho Đức Giê-su những sự kiện họ âu lo một cách khiêm tốn hơn là tỏ cho Đức Ki-tô thấy phẩm chất, sự thông minh và lòng nhiệt thành của họ. Họ đã có thể tự hào mình là những chứng nhân đầu tiên về sự Phục Sinh, là những người được chọn để chứng kiến một trong những lần hiện ra đầu tiên của Đức Giê-su sau khi Ngài chỗi dậy từ cái chết khổ hình Thập giá nhưng họ ý thức và không che đậy những sự ngốc nghếch và chậm tin của mình, và Đức Giê-su đã hiện ra với họ.

Chúng ta sẽ nghĩ đến ơn gọi của chúng ta, ơn gọi giúp chúng ta bước đi với Đức Ki-tô hàng ngày trong việc lắng nghe Lời Ngài với biết bao sự phong phú và gặp gỡ Ngài hàng ngày trong Bí tích Thánh Thể. Không phải vì chúng ta tốt hơn những người khác nhưng vì chúng ta ngốc nghếch và chậm tin hơn những người khác. Đức Ki-tô muốn chúng ta trở nên những khí cụ của việc Ngài tỏ mình cho Giáo hội và thế giới. Nhưng chỉ khi ta đồng hành với Ngài, lắng nghe Ngài cho đến khi trái tim ta bùng lên khao khát ở lại với Ngài : « xin ở lại với chúng tôi vì trời đã về chiều và ngày sắp tàn ! » (Lc 24,29).

Khi tôi thấy các cộng đoàn của chúng ta ngày càng yếu ớt, gần như đến ngày tàn, dường như sắp đi vào sự kết thúc như chiều tối là kết thúc của một ngày sống, và người ta thấp lên những ngọn đèn nhân tạo để kéo dài thêm ngày sống một cách nhân tạo, thì tôi tự hỏi: khi ta cố gắng hành động, khi ta phải đau buồn với những khốn cùng và dòn mông của mình, tại sao ta không lợi dụng những hoàn cảnh đó để nài xin Đức Giê-su ở lại với chúng ta ? Sự mới mẻ Ki-tô giáo không phải là không bao giờ còn những giới hạn của con người, không còn những kiệt quệ của nhân loại, không còn chiều hôm, bóng đêm. Cái mới mẻ của Ki-tô giáo chính là có Đức Giê-su ở lại với ta ngay trong những giới hạn, những kiệt quệ, những bóng hoàng hôn của cuộc đời chúng ta. Vì Đức Giê-su là Đấng Phục sinh, Đấng đã xuyên qua bóng đêm và sự chết để làm sáng tỏ ánh sáng và sự sống lập hữu trong Ngài vì Ngài là ánh sáng và là sự sống.

Thật đẹp, thật ngoạn mục biết bao khi các cộng đoàn hay những cá nhân yếu đuối và hấp hối bên bờ vực sự dữ lại thấp lên ngọn đèn khao khát Đấng Hôn Phu, bật lên ánh đèn nài xin Đấng Phu Quân đến trong những giới hạn của cuộc đời chúng ta để ở lại với chúng ta ! Người ta có nhiều nhu cầu, cần sống, cần khoẻ mạnh, cần thêm sinh lực, cần trẻ hoá, nhưng nhiều khi những ao ước này không thể thành tựu, nhưng ao ước Đấng Hôn Phu, khao khát sự hiện diện của Ngài lại là điều có thể ! Các cộng đoàn, từng cá nhân ngay cả khi sắp lịm tắt, phải biểu lộ Đức Ki-tô, làm tỏ hiện Đấng Phục sinh cho giáo hội và thế giới. Không có gì phong phú và sống động hơn điều này. Đó là sự phong phú của những vị tử đạo : dám chết nhưng để tỏ hiện Đức Ki-tô !

Suy niệm về đoạn tin mừng nói đến muối đất và ánh sáng dịp lễ trọng mừng thánh Bê-na-đô năm nay, tôi hiểu rằng ơn gọi của chúng ta không phải là *xuất hiện*, nhưng là *tỏ hiện*. Khi chúng ta cho muối vào canh, chẳng ai nói rằng « muối ngon quá », nhưng nói « canh ngon quá ». Muối không xuất hiện nhưng lại tỏ hiện mùi vị của thức ăn. Ánh sáng cũng vậy, giúp ta thấy cảnh vật, nhưng chẳng ai nói « ánh sáng đẹp quá ! », mà nói « cảnh vật đẹp quá ! ».

Như muối và như ánh sáng, chúng ta không được Đức Ki-tô mời gọi để làm xuất hiện cái chúng ta là, nhưng để làm tỏ hiện sự tốt lành và vẻ đẹp của Ngài, để làm tỏ hiện hương vị và ánh sáng rạng ngời của Đức Ki-tô. Như thế chúng ta phải hiểu được tầm quan trọng của sự khiêm nhường trong đặc sủng Biển đức/ Xi-tô, và chúng ta có thể hiểu thánh Bê-na-đô đã sống thế nào trong thời của ngài. Ngài không quan tâm đến việc ngài xuất hiện, nhưng là làm tỏ hiện Đức Ki-tô, sự tốt lành và vẻ đẹp của Đức Ki-tô, và chính điều này bảo vệ ngài giữa cảnh đời thế tục ồn ào như thể ngài đang sống trong cô tịch và thình lạng của đan viện. Đức Giê-su phải lớn lên còn chúng ta phải nhỏ lại, và khi chúng ta nhỏ lại về con số, về khả năng, về sức mạnh thì sứ mạng làm tỏ hiện Đức Ki-tô lại trở nên thực hữu hơn, dễ dàng hơn nếu chúng ta chấp nhận biến mất để tỏ hiện Ngài, chứ đừng mãi than vãn tại sao mình không thể toả sáng.

Toả sáng đức ái

Nhưng có một cách để tỏ hiện Đức Ki-tô trong những hoàn cảnh mỏng dòn và bất ổn nhất. Thật là người yếm thế khi nói rằng : « thật tốt , thật tốt, càng sụp đổ bao nhiêu, Thiên Chúa càng được tỏ hiện bấy nhiêu ! ». Chẳng ai có thể vui khi thấy mình bị sụp đổ như thế. Điều làm Đức Ki-tô tỏ hiện chính là tình hiệp thông, sự đoàn kết, lòng thương cảm giữa các thành viên trong giáo hội, giữa các thành viên trong Dòng với nhau, và với các Dòng khác.

Nơi nào cũng có những mẫu gương tuyệt vời về tình đoàn kết. Người ta ấn tượng và cảm động trước sự đoàn kết của những người nghèo khổ, giữa những hoàn cảnh bất an. Hãy xem bà goá nghèo dâng tất cả những gì mình có để sống, chứ không hình thức như những người giàu có. Rõ ràng là không thiếu những dấu chỉ về tình đoàn kết. Trong các Hội dòng thường có những sự giúp đỡ lẫn nhau. Thường thì sự đoàn kết này không cần phải để cho người khác thấy, tay trái không biết việc tay phải làm như thế mới tốt. Những cộng đoàn thật sự quảng đại đến nỗi dám hy sinh cho người khác, làm tỏ hiện cách âm thầm sự vô vị lợi siêu nhiên, góp phần làm thế giới này xinh đẹp hơn.

Tại một đan viện chúng ta ở Brasil, hàng ngày tôi thấy trong Thánh lễ lúc sáng sớm, một bà lão với đứa con lớn bị tật nguyền thể lý và trí tuệ. Tôi được đánh động trước vẻ đẹp của tình yêu lan toả giữa hai mẹ con, tình yêu từ người mẹ và tình cảm nghiêm thấy mình được yêu của người con. Rồi một ngày nọ tôi khám phá ra rằng người đàn bà đó không phải là mẹ ruột của chàng trai trẻ tật nguyền : khi anh ta chào đời thì mẹ ruột của anh đã ruồng bỏ anh vì anh bị tật nguyền, bà lão bây giờ vốn là người y tá năm xưa ở bệnh viện đã đưa anh về nuôi nấng dù bà lúc đó đã có bốn đứa con, và nay đã hơn ba mươi năm bà không nề hà săn sóc anh, yêu thương anh một cách vô vị lợi. Khi tôi đến nói chuyện với bà, bà nói với tôi rằng bà luôn tạ ơn Thiên Chúa đã ban cho bà một quà tặng là đứa con này vì nó đã làm cho đời bà tràn ngập niềm vui. Câu chuyện làm tôi cảm động và cũng làm tôi hối hận vì tôi là một tu sĩ, đan sĩ, linh mục, viện phụ, nhưng tôi chưa bao giờ thực hiện một sự chọn lựa triệt để vì tình yêu Đức Ki-tô. Khi tôi thăm các cộng đoàn, gặp gỡ từng nam nữ đan sĩ, nhưng anh chị em trẻ, tôi thấy rằng những toan tính về lợi lộc và về những tiện nghi là điều người ta luôn để vị trí hàng đầu. Người ta khao khát chiếm lấy hơn là cho đi, lợi dụng con người và hoàn cảnh hơn là hy sinh chính mình cho một thực tại lớn hơn, cho tình yêu lớn hơn nữa trong trái tim chúng ta hơn là tìm kiếm quyền lực, lợi ích và thời gian.

Đức Giê-su trân trọng bà goá nghèo, nêu gương bà cho các môn đệ và các tông đồ bởi các ngài dường như giống chúng ta hơn giống bà goá nghèo, hay bà lão tôi gặp ở Brasil, hoặc bao nhiêu con người khác đã hy sinh để yêu thương, phục vụ trong gia đình, nơi những miền « ngoại vi » với những lời khen, tiếng thơm, nơi chính cuộc sống âm thầm trong các đan viện.

Trong năm năm làm viện phụ cả, tôi đã có thể nhận thấy rất nhiều sự thánh thiện trong các đan viện của chúng ta, thường là hoa trái của lòng trung thành tận tụy trong canh tân, hoán cải, những bước nhỏ của lòng hoán cải sẽ làm cho sự canh tân luôn mới mẻ. Tôi đã thấy bao nhiêu là tình yêu thương và sự hy sinh mà các nam nữ Bề trên đã thể hiện trong cộng đoàn mình ! Chẳng ai để ý và coi đó là những hy sinh mà họ đã không ngừng quan tâm săn sóc cho anh chị em mình. Người ta coi đó như là điều bình thường, dĩ nhiên phải thế, vì họ là những mục tử nên phải thường xuyên thí mạng vì đoàn chiên, chịu đựng những tính khí khác nhau, những khủng hoảng, những người hung hăng hoặc những người nông nổi. Và khi có điều gì không tốt xảy ra, thì lỗi luôn luôn là bởi các vị ấy như họ không đủ tốt lành, không đủ nghiêm khắc, sửa lỗi quá gay gắt hay quá hời hợt... Tôi nghĩ rằng cách này hay cách khác tất cả anh chị em đều có kinh nghiệm này. Họ là những mục tử bị than phiền nhiều nhất khi tôi thăm viếng các cộng đoàn. Nhưng ngược lại họ chấp nhận tất cả và chịu đựng tất cả. Và đây là cách tốt nhất vì đây là hành vi bác ái, và đức ái thì luôn xây dựng. Giữa các vị phụ trách với nhau, chúng ta phải giúp đỡ nhau vác lấy gánh nặng với niềm vui, tín thác vào Chúa, không bao giờ cô đơn mà bóp chết niềm vui phụng sự Thiên Chúa. Cách cá nhân, tôi xin lỗi vì đã không gần gũi quý nam nữ Bề trên cho đủ. Tôi hiểu rằng tôi phải đặt việc này ở vị trí ưu tiên trên những khía cạnh khác trong sứ vụ của tôi.

Nhưng tôi luôn tạ ơn Chúa, Đấng làm tăng triển tình huynh đệ giữa các đan viện vượt trên những biên giới của các Hội Dòng và của các dòng. Hơn nữa, chúng ta thấy nhu cầu cần đến sự đồng hành và giúp đỡ của nhau chứ đừng quá nhấn mạnh những sự khác biệt về hình thức, pháp lý và nghi thức. Tôi nghĩ rằng tương lai của đời sống thánh hiến sẽ được đánh dấu bởi những sự cộng tác với nhau cách nhưng không, năng động vượt qua những khoảng cách không gian và văn hoá, để cùng nhau cảm nghiệm và sống ơn gọi. Điều này không làm nghèo nàn căn tính của những khác biệt giữa các Dòng, các Hội dòng, ngược lại những cấu trúc này góp phần phục vụ cho cuộc sống của các cộng đoàn, các thành viên, không chủ bảo vệ những quyền lợi của mình nhưng biết chia sẻ với nhau nếu không muốn mình bị tàn lụi. Khi cấu trúc của giáo hội không còn phục vụ cho sự sống, cho sự hiệp thông và chia sẻ không tính toán thì cấu trúc đó trước sau sẽ phải tiêu tan như trái cây bị hư từ bên trong cho đến khi vỏ của nó bị đập để lộ ra sự hư vô từ bên trong của nó

« Thời gian cao hơn không gian »

Đây là điều căn bản cho chúng ta suy nghĩ và trao đổi với nhau trong những ngày diễn ra Đại Hội, những suy tư của Đức Thánh Cha trong tông huấn *Evangelii gaudium* nói về vị trí ưu tiên của thời gian trên không gian. ĐTC viết:

“Ở đây tôi thấy một nguyên tắc đầu tiên cho tiến trình xây dựng một dân tộc: thời gian cao hơn không gian. Nguyên tắc này giúp chúng ta có khả năng làm việc chậm mà chắc, mà không quá bận tâm đến những kết quả tức thời. Nó giúp chúng ta kiên nhẫn chịu đựng những nghịch cảnh khó khăn hay những thay đổi không thể tránh được trong hành trình chúng ta. Nó mời gọi chúng ta chấp nhận sự căng thẳng giữa sự viên mãn và sự giới hạn, và ban quyền ưu tiên cho thời gian (...) Ban quyền ưu tiên cho không gian có nghĩa là điên cuồng ra sức giữ mọi thứ cùng nhau trong hiện tại, cố gắng chiếm hữu tất cả không gian của quyền lực và tự khẳng định mình. Chính là kết tinh những tiến trình và dám kiểm chế chúng. Ban quyền ưu tiên cho thời gian có nghĩa là quan tâm về việc *khởi xướng các tiến trình hơn là chiếm hữu các không gian*. Thời gian điều khiển các không gian, soi sáng chúng và biến chúng thành những kết nối trong một chuỗi thường hằng trương rộng ra, mà bất khả đảo ngược. Vì thế, điều chúng ta cần là phải ban quyền ưu tiên cho những hành động tạo ra những tiến trình mới trong xã hội và tuyển dụng những người hay những nhóm khác để có thể phát triển chúng cho đến lúc chúng sinh hoa kết quả trong những biến cố lịch sử có ý nghĩa. Không xao xuyên, nhưng với những xác tín rõ ràng và lòng kiên trì (...)

Suốt cuộc đời tại thế của Người, chính Chúa thường hay cảnh báo các môn đệ Người là có nhiều điều các ông chưa có thể hiểu được, vì thế họ sẽ phải chờ đợi Chúa Thánh Thần (x. Ga 16:12-13). Dụ ngôn cỏ lùng trong ruộng lúa (x. Mt 13: 24-30) mô tả cách sinh động một khía cạnh quan trọng của công cuộc Phúc Âm Hóa: kẻ thù có thể đột nhập vào Vương Quốc và gieo mầm độc hại, nhưng cuối cùng nó bị điều thiện của lúa đánh bại” (*Evangelii Gaudium*, 222-225).

Thái độ này quan tâm đến việc để cho tiến trình sự sống, phát triển và canh tân được thăng hoa hơn là thái độ chiếm hữu những khoảng không gian quyền lực, kiểm soát, thống trị, sẽ là nền tảng cho sự sống của toàn Dòng. Thái độ này cho ta niềm hy vọng nhìn về tương lai. Những khoảng không gian quyền lực là những kho tàng người ta chiếm hữu rồi sẽ đánh mất với những mâu thuẫn với những người tranh quyền đoạt lợi khác. Mỗi bận tâm bảo vệ những gì mình đã chiếm hữu vốn rất dễ dàng bị cướp mất bởi những người yếu nhất, làm hao mòn chúng ta ngay từ đáy sâu tâm hồn, làm hao mòn các cộng đoàn, làm các cộng đoàn trở thành đàn sói hơn là đàn chiên được Chúa chăn dắt.

Ngược lại, những ai nuôi dưỡng sự sống mình bằng đức tin thì sự hiệp thông sẽ thăng hoa, hoa trái sẽ phụ thuộc vào Chúa hơn là vào chúng ta, người ấy sẽ sống với niềm hăng say, không chút lo âu, lay động. Chúng ta vui mừng với những dấu chỉ sự sống đang hồi sinh, chồi non đã hé mầm, đàn chiên đang tiến bước dù chỉ là một bước tiến rất nhỏ. Khoảng không gian vô hạn không hề hiện hữu. Ngược lại thời gian chạm đến những thoáng chốc của vĩnh cửu và sẽ rót tất cả vào trong vĩnh cửu như thể mọi con sông đều đổ ra biển lớn.

Qua mỗi cuộc hành trình, mỗi cuộc viếng thăm, hay tuần viếng, tôi nhận thấy rằng niềm hy vọng và bình an không bao giờ được ban cho ta bởi những vẻ hào nhoáng của những thành công vĩ đại, vì nó những những khoảng không gian mà người ta chiếm được trên chiến trường, người chết nhiều hơn người sống. Điều đem lại hy vọng và bình an là tất cả những dấu chỉ của sự sống, của sự hoán cải, của sự tái sinh diễn ra trong thời gian. Chúng là những hạt cải rơi xuống đất và hứa hẹn sẽ thành cây lớn theo như quyền năng sự sống Thiên Chúa thực hiện cách bí mật trong đất. “Chuyện Nước Thiên Chúa thì cũng tựa như chuyện một người vãi hạt giống xuống đất. Đêm hay ngày, người ấy có ngủ hay thức, thì hạt giống vẫn nảy mầm và mọc lên, bằng cách nào, thì người ấy không biết. Đất tự động sinh ra hoa màu: trước hết cây lúa mọc lên, rồi trở đòng đòng, và sau cùng thành bông lúa nặng trĩu hạt” (Mc 4, 26-28).

Để nuôi dưỡng tiến trình sự sống trong tin, cậy, mến, không nhất thiết phải mạnh. Ngay cả một cộng đoàn nhỏ bé, già nua cũng có thể nghiệm được những dấu chỉ của tiến trình hướng về vĩnh cửu. Một anh em, một chị em khó tính, khó chịu rồi sẽ trở nên bình tĩnh hơn với thời gian hay sẽ sống kiên nhẫn hơn với bệnh tật; tình bác ái huynh đệ luôn thể hiện qua việc chăm sóc và đồng hành với những ai đang sống cô đơn, những nụ cười sẽ nở trên môi, điều mà những ai vào đan viện cũng luôn mong muốn...

Càng trở nên dòn mỏng, bất ổn, thì càng phải vun trồng cảm thức về những dấu chỉ về Nước Thiên Chúa ngự trị giữa chúng ta. Và thường là qua những sự dòn mỏng của thân phận con người mà ta nhận ra những dấu chỉ này. Những ai mạnh mẽ thì hãy để cho những người dòn mỏng yêu đuổi chỉ cho mình thấy những dấu chỉ của Nước Thiên Chúa, vì nếu chúng ta suy niệm tin mừng chúng ta sẽ thấy Nước Thiên Chúa được tỏ hiện qua những dấu chỉ bé nhỏ, nhỏ như hạt cải, để đánh thức đức tin của chúng ta và thúc đẩy niềm hy vọng nơi chúng ta. Tôi ước ao rằng trong Dòng chúng ta ngày càng có thêm những cảm thức đối với tác vụ ngôn sứ để làm tỏ hiện giữa chúng ta những dấu chỉ sống động của đặc sủng của chúng ta. Ngay cả trong những cộng đoàn đông đúc và phát triển mạnh mẽ thì thường sức năng động của đặc sủng cũng đập nhịp nhàng nơi những cá nhân hoặc nơi những hành động khiêm tốn, không phô trương, nhưng lại mang lại sức sống cho tất cả mọi người. Chỉ qua hành động bề bần khiêm tốn nhưng đã giúp cho các môn đệ trên đường Emmaus nhận ra sự hiện diện của Đấng Phục Sinh: “Người vào bàn với họ, cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, bẻ ra và trao cho họ. Lúc bấy giờ mắt họ mở ra và họ nhận ra Người. Nhưng Người biến mất trước mắt họ” (Lc 24,30-31). Một cử chỉ đơn sơ của cầu nguyện và sẻ chia hàng ngày: đó lại là dấu chỉ của sự hiện diện sống động và thường hằng của Đấng Phục Sinh; đây chính là sự tỏ hiện đích thực của Đức Ki-tô trong giáo hội và thế giới. Và nếu Đức Ki-tô biến mất trước mắt các ông là vì chính các ông nay trở nên những dấu chỉ của sự hiện diện của Ngài vì chính họ cũng sẽ cầm lấy bánh, dâng lời tạ ơn Cha, bẻ ra và trao cho những người khác như một dấu chỉ rằng Đức Ki-tô vẫn hiện diện và hằng sống.

“Lúc bấy giờ mắt họ mở ra và họ nhận ra Người”. Vâng, tôi nghĩ rằng ngay cả giữa chúng ta, ngay trong Dòng chúng ta, trong các cộng đoàn chúng ta, ngay cả giữa các cộng đoàn khác nhau với những nền văn hoá khác nhau, cách sống và luật sống khác nhau, nhưng chúng ta phải cầu xin Chúa Thánh Thần ban cho chúng ta hồng ân Thánh Thể để mở mắt chúng ta để nhận ra những dấu chỉ qua đó chúng ta gặp Đức Ki-tô hiện diện giữa chúng ta, những dấu chỉ tràn đầy niềm vui và nhiệt thành để loan báo cho mọi người biết Đức Ki-tô phục sinh và chúng ta đã nhận ra Người khi bẻ bánh.

Được hiệp nhất để “biết những mầu nhiệm của Nước Thiên Chúa”

Cuối dụ ngôn người gieo giống, các môn đệ đã hỏi Đức Giê-su về ý nghĩa của dụ ngôn này. Và Đức Giê-su đã giải thích cho các ngài, đây là một mầu nhiệm mà tôi cho rằng chúng ta cũng hãy nghe lại khi chúng ta bắt đầu Đại Hội: “Các môn đệ hỏi ngài về ý nghĩa của dụ ngôn. Ngài nói: ‘đôi với anh em được cho biết những mầu nhiệm Nước Thiên Chúa, còn những người khác thì chỉ được nghe dụ ngôn để họ nhìn mà không thấy, lắng tai nghe mà chẳng hiểu chi’ (Lc 8,9-10).

Mầu nhiệm Nước Thiên Chúa. Trong những ngày này, chúng ta đến đây để hiểu và giúp nhau hiểu. Nếu chúng ta chỉ hiểu những vấn đề của thế giới và những vấn đề trần thế của dòng chúng ta, hoặc khá hơn chúng ta hiểu về những khó khăn của Dòng, của các cộng đoàn, chúng ta sẽ đánh mất thời giờ của mình vì tất cả những gì chúng ta sẽ làm, sẽ thảo luận và sẽ quyết định trong những ngày này sẽ vô cùng cần cỗi. Tất cả những gì không làm chúng ta nhận ra những mầu nhiệm của Thiên Chúa đều là cần cỗi, không mang lại hoa trái mà chỉ là những hành vi khẳng định hay đánh mất quyền lực mà thôi, không phải là những khởi đầu mới mẻ của tiến trình sự sống và phong phú cho Nước Thiên Chúa.

Nhận biết các mầu nhiệm Nước Thiên Chúa giữa chúng ta không có nghĩa là chúng ta phải linh thao hoặc Đại Hội không được đề cập đến những vấn đề cụ thể, những vấn nạn thực tế trong đời sống nhân loại thường nhật. Vì Nước Thiên Chúa trong Đức Ki-tô “ở giữa chúng ta” (x. Lc 17,21), là một hạt giống được gieo vào lòng đất. Tất cả các dụ ngôn về Nước Thiên Chúa đều là những dụ ngôn về đời sống thực tiễn, cụ thể và nhân sinh. Nước Thiên Chúa trong Đức Ki-tô Giê-su là Nước của sự nhập thể của Ngôi Lời Thiên Chúa trong thế giới, trong cuộc đời chúng ta. Thánh Biển Đức trong Tu luật làm chứng cho ta rằng mỗi cuộc họp mặt cũng là lúc ta tìm về ý nghĩa của các mầu nhiệm Nước Thiên Chúa và cảm nghiệm mầu nhiệm ấy trong cuộc sống mình, những mầu nhiệm nhập thể vào thực tại đời sống thường nhật, nhân sinh ngay cả nơi những cuộc đời tội lỗi. Tất cả đồ vật trong đan viện phải được xem như “*altaris vasa sacrata* – đồ thánh trên bàn thờ” (Tl 31,10). Vì thế với đức tin, ta thấy tất cả, trong tất cả “mầu nhiệm Nước Thiên Chúa”. Và như thế, mầu nhiệm đích thực về Nước Thiên Chúa chính là thực tại ẩn giấu trong chính cuộc sống chúng ta, trong thường nhật tính, trong các cộng đoàn, trong các tương quan giữa chúng ta. Đức Giê-su đã giải thích cho những người Biệt Phái khi họ hỏi ngài: “khi nào Nước Thiên Chúa đến?”. Đức Giê-su trả lời: “Nước Thiên Chúa không đến để lôi kéo sự chú ý để người ta có thể nói : “ở đây” hay “ở kia”. Vì này Nước Thiên Chúa đã ở giữa các ngươi” (Lc 17,20-21). Chúng ta thường bị cám dỗ chờ đợi Nước Thiên Chúa như một thực tại tương lai sẽ đến. Hoặc nói rằng Nước ấy ở đây hay ở kia, là nơi chúng ta có thể thấy được, đến được. Thường chúng ta đặt Nước ấy vào những nơi tiện nghi, thuận lợi, phù hợp với điều chúng ta làm, chúng ta nghĩ, chúng ta nói. Rồi chúng ta rút gọn Nước ấy vào “khoảng không gian quyền lực”. Đức Giê-su tái khẳng định rằng Nước Thiên Chúa là một mầu nhiệm đã ở đây, giữa chúng ta, được ban cho chúng ta và chúng ta phải tìm kiếm ngay giữa chúng ta. Trong những ngày này, chúng ta sẽ dễ bị cám dỗ để nghĩ và nói về Nước Thiên như dờ däu đó phù hợp với lợi ích và chủ trương của chúng ta. Ngược lại, Nước ấy “ở giữa chúng ta”, nơi chúng ta và chúng ta sẽ có thể nhận biết được giữa chúng ta như Đức Giê-su đã từng ở giữa các môn đệ đi làng Emmaus.

Nhưng để biết Nước ấy giữa chúng ta, ngay cả giữa những khác biệt, giữa những vấn đề mà chúng ta không đồng thuận với nhau, giữa những biến cố hay những mâu thuẫn của chúng ta, chúng ta cần có đức tin, ân sủng, hồng ân Chúa Thánh Thần, và chúng ta cần cầu nguyện để nài xin Thiên Chúa cho tất cả và mỗi người chúng ta ơn nhận biết những mầu nhiệm của Nước Thiên Chúa mà Đức Giê-su muốn tỏ bày cho ta.

Hướng về sự Hiện Diện thần linh

Về việc cầu nguyện, đặc biệt là phụng vụ, sẽ là một trong những đề tài quan trọng của Đại Hội, và tôi cho rằng những bài báo cáo của quý Viện Phụ Hội Trưởng cũng đào sâu về đề tài này. Thánh biển Đức trong tu luật chương 19 nói: “chúng ta tin sự Hiện diện thần linh ở khắp mọi nơi, Thiên Chúa nhìn thấu mọi nơi, người lành cũng như kẻ dữ. Tuy nhiên, không nghi ngờ gì, chúng ta hầu tin điều này khi chúng ta cử hành Thần Vụ (...). Hãy nhớ rằng chúng ta đang ở trước Nhan Chúa” (Tl 19, 1-2.6).

Vâng, tôi đặt ra câu hỏi nghiêm túc, khi tôi đi đến nhiều nơi trên thế giới và tôi tham dự phụng vụ ở một cộng đoàn bất kỳ trong số các cộng đoàn của anh chị em, tôi tự hỏi: phụng vụ của chúng ta, việc cầu nguyện chung trong các đan viện, có thực sự giúp ta ở trước Nhan Chúa không? Phụng có thực sự diễn tả việc tìm kiếm Thiên Chúa và kinh nghiệm về một tương quan ưu tiên hàng đầu mà ta dành cho Thiên Chúa? Phụng vụ có đưa ta tới sự Hiện Diện thần linh của Đấng nhìn, tìm kiếm, ước muốn liên kết với chúng ta?

Chúng ta hãy nghĩ tới: nào là lo ra, mệt mỏi, hình thức luôn dửng dưng bầy rình rập ta. Nhưng chúng ta không được quên rằng Thần Vụ, dù được cử hành theo cách thức nào, giáo hội và truyền thống đan tu, luôn mang lại cho ta sự nâng đỡ, huấn luyện liên lý để ta có một tương quan thực sự với Thiên Chúa, một tương quan hôn ước, vì phụng vụ luôn là lời cầu nguyện của Tân Nương được liên kết trong Thánh Thần để khẩn nài và đón tiếp Tân Lang ngự đến (Kh 22,17.20).

Dù với ý tốt lành nhưng tôi cảm thấy phần lớn các cộng đoàn chúng không cử hành việc cầu nguyện chung theo cách thức như thế. tôi không nói đến các cộng đoàn vì lý do này hay lý do khác không cử hành Thần Vụ và Thánh lễ chưa tốt. Nhưng tôi nói đến cả những cộng đoàn có hình thức cử hành rất tốt nữa. chúng ta phải chân thành, khiêm nhường nhìn lại chiều kích này vì khi ta quên lãng bản chất hôn ước trong mối hiệp thông với Thiên Chúa qua cầu nguyện, phụng vụ, chúng ta chẳng lôi kéo được ai, ngay cả các nam nữ đan sĩ, hoặc những người đến cầu nguyện với chúng ta hoặc sống với chúng ta. Những gì là khô khan, không tốt hoặc hình thức chỉ làm phát sinh thêm sự buồn chán, nhát đảm và làm ảnh hưởng đến mọi hoạt động của đời đan tu. Anh chị em biết rằng không ít anh chị em chúng ta vắng mặt trong các giờ Thần Vụ với nhiều lý do khác nhau, nhưng tôi cho rằng lý do tối hậu căn bản là do chúng ta không làm việc cùng với vẻ đẹp của mối tương quan thân tình với Chúa. Cũng giống như nhiều gia đình thường xuyên chẳng có bữa cơm ngon, học chỉ ăn cơm hộp. Và dần dà như thế, họ không muốn cùng nhau dùng bữa nữa...

“Anh chị em là một gia đình”

Anh chị em có nhớ lời Đức Thánh Cha Biển Đức XVI nói với tôi trong dịp Đại Hội 2010 không? Ngài nói với tôi và chúng ta rằng: “anh chị em là một gia đình!”.

Kết thúc Đại hội 2010 tôi đã trình bày vài suy tư của tôi và tôi đã nói:

“Chúng ta là một gia đình.

Bản chất thực sự của một gia đình không phải là một nhóm người sống co cụm với nhau để bảo vệ cái vòng tròn và quyền lợi của mình. Bản chất thực sự của gia đình là chiếc nhẫn trong sợi dây chuyền các thế hệ, nghĩa là những người để cho mình được sinh ra, rồi đến lượt mình, họ làm phát sinh những thế hệ mới. thế hệ này trải qua cuộc sống chung nơi mà các thành viên yêu thương, được huấn luyện và mở ra với sự phong phú. Gia đình là nơi chôn của sự sống và của lao động chung để cùng thăng tiến trong tình yêu ngày càng chân thành và vô vị lợi, nơi mà người ta làm việc chung với nhau để thăng tiến trong việc nhận biết chân lý, trong kinh nghiệm về sự thiện hảo, trong chiêm niệm về vẻ đẹp. Và tất cả những điều này nói đến một sự phát triển trong hiệp nhất, hiệp thông trong chân lý, tình yêu và vẻ đẹp được sống với nhau và truyền trao sự sống cho thế giới.

Thánh Biển Đức mời gọi chúng ta sống và thăng tiến trong kinh nghiệm này, kinh nghiệm Đức Ki-tô giải đi cơn khát hạnh phúc của con tim nhân loại trên bình diện cá nhân, cộng đoàn, và toàn Dòng.

Định nghĩa dòng chúng ta như một đại gia đình không muốn tính đến những chiều kích của chúng ta mà nhận thức rằng chúng ta bé nhỏ và mỏng dòn, Thiên CHÚA mời gọi ta tiến triển trong sự sống, trong tình yêu, trong sự hiệp thông, tăng triển trong ân huệ sự sống vì Nước Thiên CHÚA, là chính sự hiệp nhất và ơn cứu độ của đại gia đình nhân loại. Và ngang qua cái chết, trong Đức Ki-tô, luật sống luôn là mẫu nhiệm vượt qua ». (Diễn văn bế mạc Đại Hội, 9.9.2010).

Trong những ngày này, Thượng Hội Đồng Giám mục về đề tài đời sống gia đình thúc đẩy chúng ta sống với tinh thần trách nhiệm và biết ơn « gia đình tính » trong toàn Dòng, trong các cộng đoàn vì đời sống thánh hiến có thể là một dẫn thân cho tất cả những người giáo dân sống ơn gọi hôn nhân và gia đình. Chúng ta phải học từ những chứng từ của đời sống gia đình như lòng trung thành, tình yêu, hy sinh, giáo dục, chăm sóc lẫn nhau, bắt đầu từ nơi chính gia đình chúng ta được sinh trưởng.

Điều tôi muốn nhấn mạnh khi khai mạc Đại Hội là sau 5 năm sống kinh nghiệm và tìm hiểu về « đại gia đình » của Dòng chúng ta, điều cần thiết trước tiên là tinh thần gia đình, tinh huynh đệ phải trở nên sống động trong Dòng và với những Dòng cùng đặc sủng với chúng ta. Vì thế tôi xin đưa ra một vài câu hỏi để giúp chúng ta suy nghĩ và đối thoại trong những ngày này.

1. Gia đình cần hiểu biết nhau và hiện diện với nhau. Giữa chúng ta thật sự có mối quan tâm và ao ước hiểu biết nhau, chia sẻ niềm vui nỗi buồn cho nhau, cũng như những hy vọng và khó khăn của hành trình chúng ta đi không ?

2. Gia đình biết chăm sóc các thành viên, trước tiên là những người yếu đuối, như những trẻ em, người già, người bệnh. Trong các cộng đoàn của Dòng, phải chăng không bao giờ có những anh chị em già yếu bị bỏ rơi, không bao giờ được thăm hỏi, hoặc họ phải tiếp tục làm những công việc như thể họ còn mạnh khoẻ chẳng ? Hay không bao giờ có những cộng đoàn trẻ, chưa trưởng thành, có những người anh chị em như những trẻ mồ côi bị bỏ rơi một mình, không được đồng hành, chăm sóc để trưởng thành hay không ?

3. Gia đình giáo dục, hình thành sự sống. Có những cố gắng tốt đẹp trong Dòng về lãnh vực huấn luyện. chúng ta có Khoá huấn luyện đan tu, Khoá bồi dưỡng cho các Bê trên, có Phân Khoa đại học Heiligenkreuz, các học viện triết và thần học ở Việt nam... Nhưng tôi thấy còn nhiều cộng đoàn, nhất là cộng đoàn nữ đan sĩ không có những điều kiện huấn luyện tốt, ngay cả tập viện. Hơn nữa điều còn thiếu không chỉ là huấn luyện tri thức mà là huấn luyện về đời sống đan tu, đời sống cộng đoàn. Huấn luyện phải tạo ra những môi trường hiệp thông với các vị hiền phụ, hiền mẫu luôn đồng hành với con cái trên hành trình thăng tiến nhân bản, nội tâm, trong sự hiệp thông với Thiên CHÚA và với anh chị em mình. Rất thường có sự thiếu vắng về việc huấn luyện thực hành lecti divina, cầu nguyện riêng, cử hành phụng vụ, chia sẻ lời CHÚA, đối thoại huynh đệ, giúp đọc hiểu văn chương các linh phụ và linh mẫu Xi-tô, hiểu biết am tường về tu luật thánh Biển Đức. còn có một công việc nặng nhọc phải thực hiện là đào tạo các nam nữ Bê Trên có khả năng huấn luyện, dạy dỗ cho cộng đoàn, truyền thụ những cảm thức về đặc sủng đan tu Xi-tô, nói như thánh Biển Đức là « gieo men công chính của CHÚA vào lòng các môn đệ » (Tl 2,5), nghĩa là một sự khôn ngoan có thể thúc đẩy anh chị em mình tự do sống ơn gọi với tinh thần trách nhiệm.

Một gia đình tốt là gia đình có khả năng làm cho con cái mình trở thành những người cha, người mẹ, chứ không giữ họ ở tình trạng trẻ thơ vĩnh viễn, những thiếu niên vĩnh viễn, hay những bà cô, ông chú độc thân khô cằn không muốn sống phong phú ơn gọi làm nảy sinh sự sống của mình. Vì thế, huấn luyện mà chỉ chú trọng hình thức, bề mặt, thì trước sau gì cũng dẫn đến đổ vỡ, chia rẽ trong chính gia đình của mình. Chẳng hạn như cộng đoàn Sostrup làm chúng ta phải suy nghĩ, đó là do sự áp đặt tự ý và ngạo mạn của cá nhân Bê Trên trên đời sống cộng đoàn, thiếu sự tôn trọng tự do của các

nữ đan sĩ cũng như tôn trọng toàn thể Dòng. Ai muốn huấn luyện mà không bao giờ biết bước theo, đòi người khác vâng lời mà mình chẳng bao giờ vâng phục thì không bao giờ là một hiền phụ hay hiền mẫu nhưng chỉ là kẻ độc tài, hay một lính đánh thuê chỉ làm đàn chiên tan nát. Dòng chúng ta có khả năng ngăn chặn những lệch lạc này hay chưa ?

Không nên quên ghi nhận rằng giáo dục và huấn luyện cũng có nghĩa là sửa lỗi. đã có những phương thế cần để có thể sửa lỗi cho nhau ?

4. Gia đình đoàn kết. Chúng ta sẽ nói về sự đoàn kết. Không nên giới hạn sự đoàn kết trên lãnh vực kinh tế. cần nói đến một sự đoàn kết trong việc giúp đỡ từng cá nhân, tương trợ nhau trong lãnh vực huấn luyện, dần thân bác ái huynh đệ. Sự đoàn kết trong tình bạn. Ai có tiền thì đừng chỉ giới hạn vào việc tương trợ trong lãnh vực này mà thôi, vì đôi khi người ta còn cần những thứ khác nữa. giúp đỡ về tài chánh không bao giờ giúp cho các cộng đoàn phát triển lâu dài được. Thường thì giúp đỡ về huấn luyện thì ích hơn là tiền bạc vì không có huấn luyện thì tiền bạc cũng sẽ bị phung phí mà thôi. Cho nên cần tránh điều này là những ai có những phương tiện tài chánh lại trở nên những « người làm ơn » rồi một cách nào đó thống trị các anh chị em đan sĩ của những đan viện nghèo hơn, rồi tạo ra một hình thức tương mại lạ lùng trao đổi những con người, những giúp đỡ mà không mang lại lợi ích gì cho cả hai vì một mặt không chịu trách nhiệm về những lý do đích thực của việc thiếu ơn gọi, một mặt người ta dễ dàng mất đi sự sẵn lòng đi vào chính đời sống nước mình để giúp thăng tiến chính cộng đoàn mình, giáo hội của mình, chính nền văn hoá mình.

5. Gia đình mang sứ mạng chung, hoặc ít là giúp đỡ nhau. ĐTC mời gọi chúng ta hãy là những người phúa âm hoá theo hình thức ơn gọi mình. Trong dòng chúng ta có những cộng đoàn đảm nhận những sứ vụ và những công việc đặc biệt. Những công việc này không trùng khớp với đặc sủng của chúng ta nhưng họ vẫn phải thực hiện. Một đan viện Xi-tô nhưng vì lý do này lý do khác, họ vẫn phải đảm nhiệm một công việc nhất định như mở trường, coi xứ. Khi những công việc này vẫn tiếp tục được thực hiện thì đặc sủng Biển Đức/Xi-tô được điều chỉnh một cách đặc biệt để có thể tiếp tục sứ mạng hay công việc đó. Như vậy, công việc là phúc âm hoá vì đặc sủng của chúng ta là một dạng thức bước theo Đức Ki-tô trong đời sống Phúc Âm.

Câu hỏi của tôi là trong lãnh vực này chúng ta đã thực sự biết giúp đỡ nhau chưa. Thông thường, phải giúp đỡ thế nào đây khi có những cộng đoàn đảm nhận những nhiệm vụ và sự mạng ngoại thường như thế. Có những đan viện mở trường, coi xứ, vậy làm thế nào đây để họ có thể gắn kết vào toàn thể chung của Dòng với các đan viện khác. Nhưng tôi thấy rằng, những đan viện có những việc như thế thì thường có những khó khăn tương tự nhau. Thật hữu ích khi chúng ta biết chia sẻ những kinh nghiệm, những khó khăn, những giúp đỡ, cộng tác lẫn nhau ngay cả giữa châu lục này với châu lục khác. Tôi biết là chưa bao giờ có những cuộc gặp gỡ giữa các đan viện có mở trường, hoặc giữa những đan viện coi sóc các giáo xứ, hoặc những đan viện gắn liền với các đền thánh. Hoặc cuộc gặp gỡ giữa các đan viện chuyên tiếp khách, khách hành hương, cả khách du lịch vì các đan viện ấy có những đền đài giá trị, những gia sản nghệ thuật văn hoá giá trị.

Các công việc và sứ vụ đều rất quan trọng đối với từng cộng đoàn. Có những cộng đoàn đảm đương những công việc quá sức mình có. Ngược lại có những cộng đoàn cộng tác với những dòng khác hoặc những người giáo dân. Nhưng dù sao đây cũng là một phần của sứ mạng phúc âm hoá.

Về mặt này, Dòng chúng ta đã có những trao đổi, giúp nhau biện phân và cộng tác với nhau chưa ?

Còn có một khía cạnh quan trọng về sự cộng tác. Chẳng hạn như một số cộng đoàn có trường học có nguy cơ bị tổn hại do sự thèm muốn của các chính phủ thù địch với giáo hội thì tôi nghĩ nên có những sự cộng tác cụ thể giữa các nước, các châu lục với nhau để tạo ra một bảo vệ lẫn nhau. Chẳng

hạn như sự liên kết các trường của những đan viện chúng ta ở Áo, Mỹ, Đức, Hungari, ý... có thể tạo nên một khiên thuẫn chắc chắn chống lại sự can dự của các chính phủ.

Nhưng trước hết, tôi nhận thấy cần có sự cộng tác với nhau cách chặt chẽ hơn trong các công việc và sứ vụ của Dòng, như tôi đã nói, không chỉ dừng lại ở những trợ giúp tài chính. Thật ích lợi khi có những cuộc trao đổi nhân sự, ngay cả khi trong một thời hạn nào đó, điều này không những sẽ giúp đỡ các cộng đoàn trong những hoàn cảnh khó khăn mà còn giúp nhau có những kinh nghiệm quý báu để hiểu nhau hơn. Chính bản thân tôi, khi sống tại những quốc gia nghèo, những điều kiện sống thiếu thốn thì càng giúp tôi hoán cải, thăng tiến trong ơn gọi theo Đức Ki-tô.

6. Trong gia đình, luôn cần đến sự tha thứ. Đây là điểm cuối cùng tôi muốn nhấn mạnh và đưa vào suy tư, thảo luận. không có cộng đoàn nào có thể hiệp nhất và phát sinh sự hài hòa mà không cần đến sự tha thứ, cảm thông cho nhau. Một gia đình gồm những thành viên khác nhau, khác tính khác nết. anh chị em trong nhà không chọn nhau, cũng như cha mẹ không chọn con cái. Tất cả đều phải học để sống chung hài hòa, tha thứ cho nhau, chấp nhận khác biệt, những khoảng cách, hài hòa với nhau để tạo nên một bản hoà nhạc vốn lúc nào cũng hay hơn một bài hát đơn lẻ hay một âm thanh cô lạng. Điều này mời gọi chúng ta mở trái tim mình ra trong lòng thương xót của Thiên Chúa để luôn biết tha thứ, xin Chúa ban cho chúng ta sự hiệp nhất và cầu nguyện cho nhau, như Đức Giê-su, chúng ta cầu nguyện cho « những kẻ thù » của chúng ta. Chúng ta có thật sự hoạt động cho sự hoà giải trong nội bộ dòng chúng ta không ? Thường thì sau những hiểu lầm, những tai nạn, những sửa chữa, mối tương quan bị khựng lại, người ta không muốn nhìn mặt nhau, nói chuyện với nhau hay cùng nhau bắt đầu lại. chính là do sự kiêu căng của chúng ta làm cho tiến trình hoà giải bị ngưng trệ. Chúng ta quên rằng điều này lấy mất khỏi chúng ta những những điều thiện hảo quý giá nhất là sự hiệp thông, tình huynh đệ, tình bạn. Chúng ta đánh mất những gì là thần linh, là chính Thiên Chúa, Đấng là Tình yêu, Ba Ngôi, để khép mình và cuốn mình trong khối gia tài trống rỗng, khô cạn, gỉ sét... Tất cả chúng ta phải hoán cải, trở về với Tin mừng. Tôi nghĩ rằng Đại Hội trước tiên phải nhắm đến điều này, hoà giải chúng ta với nhau, tìm kiếm một tình hiệp nhất sâu xa, đích thực giữa chúng ta để sống tốt hơn và diễn tả tình yêu hiệp thông trong Đức Ki-tô cho thế giới.

Thánh Biển Đức lưu ý các viện phụ rằng sự hiệp thông trong Đức Ki-tô thì sâu thẳm hơn những khác biệt văn hoá, xã hội : « nô lệ hay tự do, tất cả chúng ta là một trong Đức Ki-tô, chỉ có một Chúa, chúng ta đều là những người phục vụ » (Tl 2,20). Điều này nói đến sứ vụ khó khăn của viện phụ là phục vụ bách tính- *multorum servire moribus*" (2,31), và có thể diễn dịch thêm ra là không chỉ khác biệt về tính nết, mà còn khác biệt về thói quen, tập quán, văn hoá.

Điều này cần phải được lưu ý không chỉ trong từng cộng đoàn mà còn trong toàn Dòng, cần phải xây dựng sự hài hòa, hiệp nhất trong những khác biệt về văn hoá, ngôn ngữ, cách sống. Và đây cũng là một thách đố cho thế giới hôm nay, khi người ta sống trong thời đại của những thông tin, thì bị kịch trong thế giới truyền thông đã tạo nên những hỗn độn. Như thế, dấu chỉ hiệp nhất và hài hòa là một dấu chỉ khẩn thiết mang chiều kích ngôn sứ mà đại gia đình Xi-tô chúng được mời gọi dẫn thân trong thế giới hôm nay.

Chúng ta cần đến sự tái sinh trong đời sống thánh hiến

Về điểm này, tôi đã chia sẻ trong những buổi hội trong khoá Huấn luyện đan tu cách đây vài tuần, « sự canh tân đích thực trong đời sống thánh hiến phải góp phần vào việc canh tân thế giới. Thế giới không cần sự canh tân đời sống thánh hiến như chúng là, chẳng cần sự canh tân hời hợt như ĐTC đã nói, nhưng cần đời sống thánh hiến hãy tự mình bắt đầu lại để canh tân thế giới này trong đức ái hoàn hảo của Đức Ki-tô đến nỗi yêu thương kẻ thù, biến họ thành những người an hem (x. Thánh Augustino, Chú giải thư I của thánh Gioan 1,9). Yêu địch thù được khởi đầu bằng cách cầu nguyện cho họ, vì tình yêu không đến từ chúng ta nhưng đến như một ân huệ của tình yêu Thiên Chúa mà chúng ta nài xin Người.

Đời sống thánh hiến chỉ có ý nghĩa khi ta sống căn tính của nó là đức ái hoàn hảo của Đức Ki-tô » (www.ocist.org; Capitoli Abate Generale, 2015.09.24).

Như tôi nói ban đầu, đời sống thánh hiến cần đến một sự canh tân, một sự cải tổ hoặc một cuộc tái sinh. Tái sinh « sự sống cho toàn thể Giáo hội. vì tái sinh không thể nào thực hiện được nếu Đấng Khác không sinh chúng ta lại một lần nữa (x. Ga 3,3). Và sự sinh hạ này luôn là một khả thể của canh tân, là chính tình yêu kẻ thù...

Chúng ta cần đến sự tái sinh, cần một phụ tính, một mẫu tính của tình hiệp thông... Chúng ta phải cảm nghiệm sức sống năng động của đặc sủng chúng ta có, hãy trở về với đặc sủng của thánh Biển Đức, của các linh phụ, linh mẫu Xi-tô như một phụ tính. Đặc sủng là một phụ tính sinh hạ trong Thân Khí và trong tình yêu Đức Ki-tô. Đặc sủng là phụ tính/ mẫu tính làm sinh hạ trong Thân Khí sự hiệp thông trong Đức Ki-tô » (nt).

Không có sứ vụ phúc âm hoá nào khẩn thiết cho thế giới hôm nay hơn việc sống và hiệp thông với tất cả và qua tất cả chúng ta sống tình hiệp thông con thảo và huynh đệ của chính Đức Ki-tô.

Fr. Mauro-Giuseppe Lepori
Viện phụ Cả Dòng Xi-tô.